

Trình độ: ĐẠI HỌC; Ngày thi: 02/08/2022

Môn: KẾ TOÁN QUẢN TRỊ 1

ĐÁP ÁN ĐỀ THI CHÍNH THỨC

(Đáp án - thang điểm gồm 03 trang)

Câu	Ý	Nội dung	Điểm																				
1	a	Chi phí vận chuyển: - Xác định biến phí đơn vị sản phẩm chi phí vận chuyển: $a1 = \frac{840.000 - 660.000}{9.000 - 6.000} = 60 \text{ ngàn đồng/sản phẩm}$	0,5																				
		- Xác định định phí chi phí vận chuyển: $b1 = 840.000 - (9.000 \times 60) = 300.000 \text{ ngàn đồng}$ => Phương trình dự toán chi phí vận chuyển: $y1 = 60x + 300.000$	0,5																				
		Lương và HHHB - Xác định biến phí đơn vị sản phẩm lương và HHHB: $a2 = \frac{2.145.000 - 1.605.000}{9.000 - 6.000} = 180 \text{ ngàn đồng/sản phẩm}$	0,5																				
		- Xác định định phí lương và HHHB: $b2 = 1.605.000 - (180 \times 6.000) = 525.000 \text{ ngàn đồng}$ => Phương trình dự toán lương và HHHB: $y2 = 180x + 525.000$	0,5																				
		b	$P = 6.300.000/6.000 = 1.050 \text{ ngàn đồng/sản phẩm}$ Báo cáo KQHĐKD (Đơn vị tính: 1.000 đồng)																				
		<table border="1"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>Số tiền</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Doanh thu (10.000 x 1.050)</td> <td>10.500.000</td> </tr> <tr> <td>Trừ biến phí</td> <td>6.600.000</td> </tr> <tr> <td><i>GVHB (2.520.000/6.000)*10.000</i></td> <td><i>4.200.000</i></td> </tr> <tr> <td><i>Biến phí vận chuyển (60*10.000)</i></td> <td><i>600.000</i></td> </tr> <tr> <td><i>Lương và HHHB (180*10.000)</i></td> <td><i>1.800.000</i></td> </tr> <tr> <td>Số dư đảm phí</td> <td>3.900.000</td> </tr> <tr> <td>Trừ định phí</td> <td>2.640.000</td> </tr> <tr> <td><i>Chi phí quảng cáo</i></td> <td><i>1.050.000</i></td> </tr> <tr> <td><i>Chi phí bảo hiểm</i></td> <td><i>135.000</i></td> </tr> </tbody> </table>	Chỉ tiêu	Số tiền	Doanh thu (10.000 x 1.050)	10.500.000	Trừ biến phí	6.600.000	<i>GVHB (2.520.000/6.000)*10.000</i>	<i>4.200.000</i>	<i>Biến phí vận chuyển (60*10.000)</i>	<i>600.000</i>	<i>Lương và HHHB (180*10.000)</i>	<i>1.800.000</i>	Số dư đảm phí	3.900.000	Trừ định phí	2.640.000	<i>Chi phí quảng cáo</i>	<i>1.050.000</i>	<i>Chi phí bảo hiểm</i>	<i>135.000</i>	1,5
Chỉ tiêu	Số tiền																						
Doanh thu (10.000 x 1.050)	10.500.000																						
Trừ biến phí	6.600.000																						
<i>GVHB (2.520.000/6.000)*10.000</i>	<i>4.200.000</i>																						
<i>Biến phí vận chuyển (60*10.000)</i>	<i>600.000</i>																						
<i>Lương và HHHB (180*10.000)</i>	<i>1.800.000</i>																						
Số dư đảm phí	3.900.000																						
Trừ định phí	2.640.000																						
<i>Chi phí quảng cáo</i>	<i>1.050.000</i>																						
<i>Chi phí bảo hiểm</i>	<i>135.000</i>																						

		<i>Chi phí khấu hao</i>	630.000																									
		<i>Định phí vận chuyển</i>	300.000																									
		<i>Định phí lương và HHHH</i>	525.000																									
		Lợi nhuận	1.260.000																									
		Tổng điểm câu 1			3,5đ																							
2	a	<i>Đơn vị tính: triệu đồng</i>																										
		- Số dư đảm phí tăng thêm: $(180 \times 15\%) \times 7 = 189$		0,5																								
		- Định phí tăng thêm:	175	0,5																								
		- Lợi nhuận tăng thêm:	14	0,25																								
	Vậy công ty nên tăng chi phí quảng cáo vì giúp lợi nhuận công ty tăng thêm 14 triệu đồng.			0,25																								
b	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dạng số dư đảm phí tháng 5 <i>(Đơn vị tính: 1.000 đồng)</i>			1,0																								
	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="text-align: center;">Nội dung</th> <th style="text-align: center;">Tổng số</th> <th style="text-align: center;">Đơn vị</th> <th style="text-align: center;">Tỷ lệ (%)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Doanh thu</td> <td style="text-align: right;">300.000</td> <td style="text-align: center;">30</td> <td style="text-align: center;">100</td> </tr> <tr> <td>(-) Biến phí</td> <td style="text-align: right;">180.000</td> <td style="text-align: center;">18</td> <td style="text-align: center;">60</td> </tr> <tr> <td>Số dư đảm phí</td> <td style="text-align: right;">120.000</td> <td style="text-align: center;">12</td> <td style="text-align: center;">40</td> </tr> <tr> <td>(-) Định phí</td> <td style="text-align: right;">78.000</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Lợi nhuận</td> <td style="text-align: right;">42.000</td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>				Nội dung	Tổng số	Đơn vị	Tỷ lệ (%)	Doanh thu	300.000	30	100	(-) Biến phí	180.000	18	60	Số dư đảm phí	120.000	12	40	(-) Định phí	78.000			Lợi nhuận	42.000		
Nội dung	Tổng số	Đơn vị	Tỷ lệ (%)																									
Doanh thu	300.000	30	100																									
(-) Biến phí	180.000	18	60																									
Số dư đảm phí	120.000	12	40																									
(-) Định phí	78.000																											
Lợi nhuận	42.000																											
Khối lượng tiêu thụ tăng 20% $\Rightarrow \Delta Q = 25\% \times 10.000 = 2.500$ sản phẩm Xác định lợi nhuận tăng thêm: - Cách 1: $\Delta Pr = \%CM \times \Delta TR = 40\% \times (2.500 \times 30) = 30.000$ ngàn đồng - Cách 2: $\Delta Pr = CM_u \times \Delta Q = 12 \times 2.500 = 30.000$ ngàn đồng Lợi nhuận tháng 6 đạt được: $42.000 + 30.000 = 72.000$ ngàn đồng				0,5																								
		Tổng điểm câu 2			3,0đ																							

Câu Ý	Nội dung					Điểm			
3	Dự toán chi phí NCTT Sản phẩm D – Năm 20xx								
	a	Chỉ tiêu	Quý 1	Quý 2	Quý 3		Quý 4	Cả năm	
		Số lượng sản phẩm cần sản xuất (sản phẩm)	30.000	26.000	24.000		28.000	108.000	
		Định mức thời gian lao động (giờ/sản phẩm)	0,5	0,5	0,5		0,5	0,5	
		Tổng nhu cầu thời gian lao động (giờ)	15.000	13.000	12.000		14.000	54.000	
		Định mức giá 1 giờ lao động (triệu đồng/giờ)	0,1	0,1	0,1		0,1	0,1	
	Tổng chi phí NCTT (triệu đồng)	1.500	1.300	1.200	1.400		5.400	0,5	
	b	Dự toán chi phí SXC Sản phẩm D – Năm 20xx							
		Chỉ tiêu	Quý 1	Quý 2	Quý 3			Quý 4	Cả năm
		Tổng giờ lao động TT (giờ)	15.000	13.000	12.000			14.000	54.000
Đơn giá phổ biến phí SXC (triệu đồng/giờ)		0,03	0,03	0,03	0,03	0,03			
Biên phí SXC (triệu đồng)		450	390	360	420	1.620			
Định phí SXC (triệu đồng)		320	320	320	320	1.280			
Tổng chi phí SXC dự toán (triệu đồng)		770	710	680	740	1.880			
Khấu hao TSCĐ (triệu đồng)		100	100	100	100	400			
Chi phí SXC (triệu đồng)	670	610	580	640	1.480	1,0			
Tổng điểm câu 3					3,5đ				